TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **294**/2022/DS-ST
Ngày: 27/7/2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Lý Ngọc Mạnh
2- Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên toà: Bà Hứa Hồng Đào– Cán bộ Toà án nhân dân Quận 8, Tp.HCM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 – Tp.HCM tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2022/QĐXX-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N
Trụ sở: Số 02 đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T -Tổng Giám đốc
- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Quách Nguyệt N - Gám đốc Ngân hàng N – chi nhành C (văn bản ủy quyền số: 2965/QĐ- NHNo-PC ngày 27/12/2019)
Bà Quách Nguyệt N ủy quyền lại cho bà Hoàng Thị Tú O làm đại diện (giấy ủy quyền số 193/GUQ-NHNo3-TH ngày 29/3/2022) *(có đơn xin vắng mặt)*

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1988 *(vắng mặt)*
Địa chỉ: P3.14 chung cư C, Phường A, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
- Bà Phùng Thị Thu H, sinh năm 1990 *(vắng mặt)*
Địa chỉ: P3.14 chung cư C, Phường A, Quận B, Tp.Hồ Chí Minh

NHẬN THẤY

* Trong đơn khởi kiện ngày 06/10/2020 và bản tự khai ngày 16/3/2021, quá trình tố tụng, đại diện nguyên đơn là bà Hoàng Thị Tú O trình bày:

Ngân hàng N (sau đây viết tắt là A) và ông Nguyễn Văn N có ký kết các hợp đồng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-201700193 ngày 01/3/2017

+ Tổng số tiền vay: 50.000.000 đồng

+ Tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/3/2021: 48.988.847 đồng. Trong đó gốc 38.900.000 đồng, lãi 10.088.847 đồng

+ Thời hạn vay là 60 tháng (Từ ngày 01/3/2017 đến 01/3/2022),

+ Mục đích vay: sửa nhà

2. Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-201800004 ngày 03/01/2018

+ Số tiền vay 100.000.000 đồng

+ Tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/3/2021: 120.382.130 đồng. Trong đó gốc 93.000.000 đồng, lãi 27.382.130 đồng

+ Thời hạn vay là 12 tháng (Từ ngày 04/01/2018 đến 04/01/2019,

+ Mục đích vay: Mua sắm vật dụng gia đình

3. Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-201801099 ngày 22/12/2018

+ Số tiền vay 90.000.000 đồng

+ Tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/3/2021: 23.662.378 đồng. Trong đó gốc 9.983.726 đồng, lãi 13.678.652 đồng

+ Thời hạn vay là 120 tháng (Từ ngày 22/12/2018 đến 22/12/2028,

+ Mục đích vay: Tiêu dùng

4. Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-202000302 ngày 27/5/2020

+ Số tiền vay 80.000.000 đồng

+ Tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/3/2021: 80.000.000 đồng. Trong đó gốc 80.000.000 đồng, lãi 0 đồng

+ Thời hạn vay đến 22/12/2028,

+ Mục đích vay: Các nhu cầu tiêu dùng khác

5. Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Quốc tế số 1609000305 ngày 28/9/2016

+ Hạn mức thẻ: 55.000.000 đồng

+ Dư nợ thẻ thời điểm 16/3/2021: 49.310.012 đồng

+ Thời hạn vay 02 năm (Từ ngày 28/9/2016 đến ngày 28/9/2018

6. Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Quốc tế số 1609000306 ngày 28/9/2016

+ Hạn mức thẻ: 55.000.000 đồng

+ Dư nợ thẻ thời điểm 16/3/2021: 48.526.729 đồng

+ Thời hạn vay 02 năm (Từ ngày 28/9/2016 đến ngày 28/9/2018

7. Hợp đồng thấu chi số 28/HĐTC ngày 08/10/2018

+ Hạn mức thấu chi: 50.000.000 đồng

+ Tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/3/2021: 38.610.524 đồng.Trong đó gốc 38.610.524 đồng, lãi 0 đồng.

+ Thời hạn hạn mức thấu chi: 01 năm (Từ ngày 08/10/2018 đến ngày 08/10/2019)

Hiện nay các khoản vay trên đã quá hạn gốc, lãi từ ngày 04/01/2019 (Thẻ tín dụng quá hạn từ ngày 28/9/2018.

Tài sản bảo đảm:

- Tín chấp từ lương

- Cầm cố trái phiếu: Trái phiếu do Ngân hàng N phát hành ngày 25/12/2018:

+ Mã trái phiếu: A 182801-62200076

+ Số lượng: 90 Trái phiếu tại ngày 25/12/2028

+ Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 VNĐ

+ Tổng mệnh giá trái phiếu: 90.000.000 VNĐ (chín mươi triệu đồng)

+ Kỳ hạn trái phiếu: 10 năm (Từ ngày 25/12/2018 đến ngày 25/12/2028

+ Hình thức trái phiếu: Trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi sổ.

+ Địa điểm thanh toán trái phiếu: Công ty cổ phần chứng khoán A

+ Giấy tờ tài sản: Giấy chứng nhận Quyền sở hữu trái phiếu Ngân hàng N phát hành ngày 25/12/2018:

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Từ ngày 04/01/2019 đến nay ông Nguyễn Văn N không thực hiện trả nợ đúng quy định theo các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế; Hợp đồng thấu chi đã ký, A Chi nhánh C đã nhiều lần nhắc nợ và có văn bản yêu cầu ông Nguyễn Văn N thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên. Tuy nhiên tính đến nay ông Nguyễn Văn N cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho A, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với A làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của A gây khó khăn cho công tác thu hồi nợ và quá trình xử lý thu hồi nợ của A.

Yêu cầu của Ngân hàng**:**

Từ những lý do trên, A yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông Nguyễn Văn N thanh toán tiền gốc và lãi vay cho A, cụ thể:

1. Tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/3/2022 là: 452.343.043 đồng. Trong đó gốc là 372.085.009 đồng, lãi là 80.258.034 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn 64.223.036 đồng, nợ lãi quá hạn 16.034.998 đồng

2. Tuyên buộc ông Nguyễn Văn N phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế; Hợp đồng thấu chi đã ký, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/ Quyết định cho đến ngày thực tế ông Nguyễn Văn N trả hết nợ gốc cho A.

3. Tuyên nếu ông Nguyễn Văn N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A thông qua A chi nhánh Chợ lớn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Văn N theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá, thẻ tiết kiệm số 6220-LAV-202000302 ngày 27/5/2020 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Tài sản cụ thể:

+Tên tài sản: Trái phiếu do Ngân hàng N phát hành ngày 25/12/2018

+ Mã trái phiếu A 182801-62200076

+ Số lượng: 90 Trái phiếu tại ngày 25/12/2018

+ Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000VND

+ Tổng mệnh giá trái phiếu: 90.000.000 VND (chín mươi triệu đồng)

+ Kỳ hạn trái phiếu: 10 năm (từ ngày 25/12/2018 đến 25/12/2028

+ Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi số.

+ Địa điểm thanh toán trái phiếu: Công ty Cổ phần Chứng khoán A

+ Giấy tờ tài sản: Giấy chứng nhận Quyền sở hữu Trái phiếu Ngân hàng N. Đợt phát hành ngày 25/12/2018.

4. Tuyên nếu ông Nguyễn Văn N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án /quyết định có hiệu lực pháp luật thì bà Phùng Thị Thu H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Văn N cho A Chi nhánh C.

* Trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt cho ông Nguyễn Văn N và bà Phùng Thị Thu H các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải theo qui định tại các Điều 177,179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Văn N và bà Phùng Thị Thu H không đến làm việc và hòa giải. Ngày 30/3/2022, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do ông Nguyễn Văn N và bà Phùng Thị Thu H vắng mặt dù đã được

triệu tập hợp lệ, đồng thời đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

*** Tại phiên tòa:**

Chủ tọa phiên tòa công bố: Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, đại diện nguyên đơn nộp thêm Bảng kê tính gốc và lãi khách hàng Nguyễn Văn N (lãi tạm tính đến ngày 27/7/2022): Tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/7/2022, ông Nguyễn Văn N còn nợ A tiền nợ gốc và lãi của các Hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-201700193 ngày 01/3/2017.

Tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/7/2022 là: 55.974.311 đồng. Trong đó gốc 38.900.000 đồng, lãi trong hạn: 13.690.244 đồng, lãi quá hạn: 3.384.067 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-201800004 ngày 03/01/2018.

Tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/7/2022 là: 136.927.212 đồng. Trong đó gốc 93.000.000 đồng, lãi trong hạn: 29.333.219 đồng, lãi quá hạn: 14.593.993 đồng

3. Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-201801099 ngày 22/12/2018.

+ Tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/7/2022: 24.921.148 đồng. Trong đó nợ gốc là 9.983.726 đồng, nợ lãi là: 14.937.422 đồng

4. Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-202000302 ngày 27/5/2020.

Tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/7/2022 là: 92.326.711 đồng. Trong đó gốc 80.000.000 đồng, lãi trong hạn là: 12.326.711 đồng

5. Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Quốc tế số 1609000305 ngày 28/9/2016.

Tổng nợ gốc và lãi (lãi nhập gốc) tạm tính đến ngày 27/7/2022 là: 58.317.667 đồng.

6. Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Quốc tế số 1609000306 ngày 28/9/2016.

Tổng nợ gốc và lãi (lãi nhập gốc) tạm tính đến ngày 27/7/2022 là: 57.757.283 đồng

7. Hợp đồng thấu chi số 28/HĐTC ngày 08/10/2018.

Tổng nợ gốc và lãi (lãi nhập gốc) tạm tính đến ngày 27/7/2022: 40.050.024 đồng.

Như vậy, tổng nợ gốc và nợ lãi mà ông Nguyễn Văn N còn nợ A theo các hợp đồng tín dụng nêu trên là 466.274.357 đồng, trong đó nợ gốc là 378.008.700 đồng và nợ lãi là 88.265.657 đồng.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia các

buổi làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là đã tự từ bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, nhận thấy Ngân hàng N - Chi nhánh C có cho ông Nguyễn Văn N vay tiền theo các Hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-201700193 ngày 01/3/2017; Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-201800004 ngày 03/01/2018; Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-201801099 ngày 22/12/2018; Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-202000302 ngày 27/5/2020; Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Quốc tế số 1609000305 ngày 28/9/2016; Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Quốc tế số 1609000306 ngày 28/9/2016; Hợp đồng thấu chi số 28/HĐTC ngày 08/10/2018. Ông Nguyễn Văn N không thanh toán được nợ vay đúng hạn và chuyển thành nợ quá hạn. Do đó, A yêu cầu ông Nguyễn Văn N thanh toán ngay số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các hợp đồng tín dụng để tính tiền lãi cho phù hợp với sự thỏa thuận của hai bên.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng N, xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo kết quả xác minh của Công an Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ông Nguyễn Văn N và bà Phùng Thị Thu H có tạm trú tại P3.14 chung cư C, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đến tháng 10 năm 2021 chuyển đi đâu không rõ như vậy tại thời điểm thụ lý vụ án ông Nguyễn Văn N và bà Phùng Thị Thu H cư trú tại Quận 8. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Đại diện nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Ngân hàng N - Chi nhánh C có cho ông Nguyễn Văn N vay tiền theo các Hợp đồng tín dụng dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-201700193 ngày 01/3/2017
2. Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-201800004 ngày 03/01/2018
3. Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-201801099 ngày 22/12/2018
4. Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-202000302 ngày 27/5/2020
5. Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Quốc tế số 1609000305 ngày 28/9/2016
6. Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Quốc tế số 1609000306 ngày 28/9/2016
7. Hợp đồng thấu chi số 28/HĐTC ngày 08/10/2018

Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi mà ông Nguyễn Văn N còn nợ A theo các hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 27/7/2022 là 466.274.357 đồng, trong đó nợ

gốc là 378.008.700 đồng và nợ lãi là 88.265.657 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Văn N đã không thực hiện đúng thời hạn thanh toán dẫn đến phát sinh nợ quá hạn. Ông Nguyễn Văn N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Tiền lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng như sau:

Căn cứ vào Bảng kê tính gốc và lãi khách hàng Nguyễn Văn N (lãi tạm tính đến ngày 27/7/2022) mức lãi suất mà A tính phù hợp với mức lãi suất hai bên thỏa thuận tại các hợp đồng. Mức lãi theo thỏa thuận của các bên nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. A đã tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng thể hiện tại Bảng kê tính gốc và lãi khách hàng Nguyễn Văn N (lãi tạm tính đến ngày 27/7/2022) do A nộp cụ thể như sau:

+ Dư nợ gốc: 378.008.700 đồng.

+ Lãi vay trong hạn: 70.287.597 đồng.

+ Lãi vay quá hạn: 17.978.060 đồng.

Tổng cộng: 466.274.357 đồng.

Do đó, A yêu cầu ông Nguyễn Văn N thanh toán ngay số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/7/2022, tổng số tiền là 466.274.357 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra ông Nguyễn Văn N còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế; Hợp đồng thấu chi đã ký, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án cho đến ngày thực tế ông Nguyễn Văn N trả hết nợ gốc cho A.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông Nguyễn Văn N theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá, thẻ tiết kiệm số 6220-LAV-202000302 ngày 27/5/2020 cụ thể gồm:

+Tên tài sản: Trái phiếu do Ngân hàng N phát hành ngày 25/12/2018

+ Mã trái phiếu A 182801-62200076

+ Số lượng: 90 Trái phiếu tại ngày 25/12/2018

+ Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000VND

+ Tổng mệnh giá trái phiếu: 90.000.000 VND (chín mươi triệu đồng)

+ Kỳ hạn trái phiếu: 10 năm (từ ngày 25/12/2018 đến 25/12/2028)

+ Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi số.

+ Địa điểm thanh toán trái phiếu: Công ty Cổ phần Chứng khoán A

+ Giấy tờ tài sản: Giấy chứng nhận Quyền sở hữu Trái phiếu Ngân hàng N. Đợt phát hành ngày 25/12/2018.

Do đó, trường hợp ông Nguyễn Văn N không thực hiện đúng thời hạn trả nợ thì A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Văn N theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá, thẻ tiết kiệm số 6220-LAV-202000302 ngày 27/5/2020 để thu hồi nợ.

Nếu giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ thì ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho A cho đến khi thanh toán xong nợ.

Ông Nguyễn Văn N và bà Phùng Thị Thu H là vợ chồng theo giấy chứng nhận kết hôn số 148, Quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường E, quận G cấp ngày 15/9/2014. Tại đơn khởi kiện ngày 06/10/2020 A yêu cầu Tòa án tuyên nếu ông Nguyễn Văn N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ

ngay sau khi bản án /quyết định có hiệu lực pháp luật thì bà Phùng Thị Thu H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Văn N cho A Chi nhánh chợ Lớn. Xét các hợp đồng tín dụng ông Nguyên ký vay là trong thời kỳ hôn nhân, mục đích vay là sửa nhà và mua sắm vật dụng gia đình nên đây cũng được xem là khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên A yêu cầu bà Phùng Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho A trong trường hợp ông Nguyễn Văn N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng, chứng tỏ bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự từ bỏ việc thực hiện quyền cung cấp chứng cứ, chứng minh, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình được qui định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án qui định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (tính trên số tiền phải trả cho Ngân hàng N) là 22.650.974 đồng. Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 117, khoản 1 Điều 119, khoản 1 điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Điều 27, Điều 48 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu ,nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1.1. Ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền nợ vốn và tiền lãi tính đến ngày 27/7/2022 theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-201700193 ngày 01/3/2017
- Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-201800004 ngày 03/01/2018
- Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-201801099 ngày 22/12/2018
- Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-202000302 ngày 27/5/2020
- Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Quốc tế số 1609000305 ngày 28/9/2016

- Hợp đồng thấu chi số 28/HĐTC ngày 08/10/2018
- Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Quốc tế số 1609000306 ngày 28/9/2016

Với tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 466.274.357 đồng (*Bốn trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi bốn nghìn, ba trăm năm mươi bảy đồng)* trong đó: nợ gốc là 378.008.700 đồng, lãi trong hạn là 70.287.597 đồng, lãi quá hạn là 17.978.060 đồng.

1.2. Các khoản tiền lãi còn tiếp tục tính từ ngày 28/7/2022 trên dư nợ vốn, dư nợ lãi tương ứng đến ngày thực trả hết nợ vốn và lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-201700193 ngày 01/3/2017
- Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-201800004 ngày 03/01/2018
- Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-201801099 ngày 22/12/2018
- Hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-202000302 ngày 27/5/2020
- Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Quốc tế số 1609000305 ngày 28/9/2016
- Hợp đồng thấu chi số 28/HĐTC ngày 08/10/2018
- Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Quốc tế số 1609000306 ngày 28/9/2016

Việc thanh toán tiền được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Trường hợp ông Nguyễn Văn N không thực hiện đúng thời hạn trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Văn N theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá, thẻ tiết kiệm số 6220-LAV-202000302 ngày 27/5/2020 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Tài sản cụ thể:

+Tên tài sản: Trái phiếu do Ngân hàng N phát hành ngày 25/12/2018
+ Mã trái phiếu A 182801-62200076
+ Số lượng: 90 Trái phiếu tại ngày 25/12/2018
+ Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000VND
+ Tổng mệnh giá trái phiếu: 90.000.000 VND (chín mươi triệu đồng)
+ Kỳ hạn trái phiếu: 10 năm (từ ngày 25/12/2018 đến 25/12/2028)
+ Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi số.
+ Địa điểm thanh toán trái phiếu: Công ty Cổ phần Chứng khoán A
+ Giấy tờ tài sản: Giấy chứng nhận Quyền sở hữu Trái phiếu Ngân hàng N. Đợt phát hành ngày 25/12/2018.

1.4. Nếu giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ thì ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cho đến khi thanh toán xong nợ.

1.5. Nếu ông Nguyễn Văn N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì bà Phùng Thị Thu H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ của ông Nguyễn Văn N cho Ngân hàng N.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 22.650.974 đồng (*Hai mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, chín trăm bảy mươi bốn đồng)* do ông Nguyễn Văn N chịu. Hoàn lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.780.276

đồng (*chín triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, hai trăm bảy mươi sáu đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0044734 ngày 11/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng N; Ông Nguyễn Văn N và bà Phùng Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TANDTP-VKSNDTP;
- VSKND Quận 8;
- Chi cục THA Dân sự Q8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - VP.

Nguyễn Thị Thanh Chi